

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 13

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỶ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong thành có một dâm nữ nhà rất giàu có, của cải thật nhiều, châu báu đủ loại, kho tàng đầy ắp, giữ gìn kiên cố, kẻ trộm rình mò, không làm gì được. Lúc ấy, tên chúa đảng cướp nghĩ được kế hay, bèn sai sứ giả đến nói với dâm nữ: “Đám chúng tôi muốn đến trên hồ kia, mời thêm nhiều cô gái làng chơi nữa, bày ra các thức ẩm thực, rồi tha hồ hưởng lạc. Vậy cô nên trang sức thật đẹp, rồi đến hồ ấy chờ để lượm thượm mà bọn họ chê cười”.

Tâm lý của phụ nữ là ưa ganh tỵ, háo thắng, nên cô ta khoác các loại danh y thượng hạng, trang sức trên thân đủ các thứ chuỗi ngọc anh lạc, ánh sáng của chúng chiếu ra chói mắt, rồi đi tới chỗ mà họ đã mời. Lúc ấy, tên tướng cướp bèn khéo léo dụ dỗ đưa cô ta đến một nơi vắng vẻ, kín đáo, rậm rạp. Dâm nữ liền hỏi: “Trước đây nghe nói có mời các phụ nữ khác, giờ đây họ ở đâu?”.

Tên tướng cướp đáp: “Lát nữa họ sẽ đến, ta hãy cùng nhau hoan lạc đã”.

Lúc ấy, dâm nữ bèn suy nghĩ: “Giờ đây, xem người này chắc là tướng cướp chứ không gì khác. Vì sao mà biết? Vì nơi này không phải là chỗ hẹn trước. Vả lại, các phụ nữ kia chắc chắn là không đến, mà mặt trời đã về chiều”. Thế rồi, dâm nữ nói: “Tôi muốn trở về nhà”.

Tên tướng cướp nói: “Hãy cùng nhau vui chơi đã, có gì đâu mà gấp gáp thế”.

Khi ấy, dâm nữ suy nghĩ: “Thế này là hẳn định ăn cướp rồi, chắc ta bị hấn làm khốn đốn mất. Ta có sáu mươi bốn diệu thuật giờ chính là

lúc phải áp dụng, nếu không áp dụng thì làm sao thoát nạn”. Thế rồi, cô ta giả vờ hiện ra vẻ ủy mị yêu thương, cùng chén tạc chén thù với tên tướng cướp, mình uống cầm chừng, mời hấn cạn chén, bên ngoài ra vẻ ân cần thân thiết triu mến, nhưng trong lòng giữ một khoảng cách, khiến cho tâm hồn của tên cướp say đắm hoan lạc, không nghi ngờ gì nữa.

Lúc ấy, tên tướng cướp một mình điu dâm nữ tới một chỗ kín đáo thì hơi men phát tác, say túy lý không còn hay biết gì nữa. Dâm nữ bèn từ từ thoát ra khỏi vòng tay của tướng cướp, lấy y phục mặc vào, rồi đi tới thành Xá-vệ, nhưng cửa thành đã đóng. Cô bèn đi về phía Tinh xá Kỳ-hoàn, thì cửa tu viện cũng đã đóng. Khi ấy, ở bên ngoài cửa có một Trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca-lô đang trải giường dây mà ngồi tại một chỗ khuất, cách cổng chùa không xa. Y của thầy phủ xuống bốn phía giường. Vì trong cơn sợ hãi, cần tìm chỗ an ổn nên dâm nữ này bèn chui vào dưới giường trưởng lão. Nhưng Ca-lô lúc ấy đang nhập định không quan sát dưới giường. Sau lúc nửa đêm, tên tướng cướp tỉnh rượu, định lột đồ của dâm nữ, nhưng tìm cô ta không thấy. Hấn bèn hỏi chúng bạn: “Các người có thấy cô gái ấy không?”. Chúng đều đáp: “Không thấy”. Thế rồi, cả đám đều cầm đuốc đi tìm, nhưng tuyệt nhiên không biết cô ta ở đâu. Chúng bèn bảo nhau: “Nếu tìm không được thì hãy theo vết chân”. Thế là chúng men theo dấu chân tìm đến cửa thành Xá-vệ, thì thấy cửa thành đóng, bèn theo dấu chân đến trước cửa Kỳ-hoàn, lại cũng mất dấu vết, không biết đi về phương nào. Đám cướp tuy thấy Tỳ-kheo nhưng không có bụng nghi ngờ. Bấy giờ, trời sắp hừng đông, trong thành Xá-vệ đã có tiếng trống đánh, lại nghe tiếng voi ngựa gà chó, cho nên tên tướng cướp bèn bàn với đồng nhóm: “Giờ đây đã mất cô ấy, không biết ở đâu, trời lại sắp sáng, không nên ở lâu nơi đây mà phải trở lại chỗ ẩn núp trong rừng”. Bàn bạc thế rồi, chúng bèn trở lại trong rừng. Khi ấy, trời sáng, dân chúng, voi ngựa, xe cộ từ thành đi ra, lại có các Ưu-bà-di cũng rời khỏi thành đi thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn. Thế rồi, họ sang đảnh lễ Tỳ-kheo Ca-lô, bỗng thấy dâm nữ kia từ dưới giường chui ra. Mọi người thấy thế, liền chê trách, nói: “Đây là nơi A-luyện-nhã, vì sao kẻ nạp y khát thực lại ngủ chung với dâm nữ suốt đêm, đến sáng mới thả đi, mất hết phép tắc Sa-môn, có đạo nào như thế”.

Lúc ấy, tiếng xấu về Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử Ca-lô Tỳ-kheo được loan truyền khắp nơi. Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn bạch lên Thế Tôn. Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, tiếng xấu về Tỳ-kheo Đà-phiêu

Ca-lô làm điều phi phạm hạnh được loan truyền khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ông ba lần, đến chỗ đông người hỏi ba lần, rồi hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi ở chỗ kín đáo nên hỏi như sau: “Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô, các vị phạm hạnh nói như thế, việc đó Thầy có biết không?”. Nếu ông ta đáp: “Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa”, thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. Rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy”.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy đã được hỏi ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Nhưng thầy tự nói: “Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa”.

Bấy giờ, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy thanh tịnh, không có tội. Tăng nên cho pháp Ưc niệম Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), cùng sống thanh tịnh. Khi làm pháp Yết-ma cầu thánh, người làm Yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này đã tự nói trước các bậc phạm hạnh như sau: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ưc niệम Tỳ-ni để dập tắt tai tiếng, mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ưc niệम Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh thì im lặng; ai không bằng lòng thì hãy nói.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành”.

Thế rồi, người xin là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô phải trật vai áo phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối phải trên đất, nói như sau: “Tôi là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đã nói trước các bậc phạm hạnh như sau: “Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa”. Tôi là Đà-phiêu Ca-lô nay đến trước Tăng xin pháp Ưc niệम Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, cúi xin Tăng cho tôi pháp Ưc niệम Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh” (xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Rồi người làm Yết-ma nên nói thế này:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nay thầy đến trước Tăng xin pháp Ưc niệम Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Nếu thời gian

thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Úc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nay thầy đến trước Tăng xin pháp Úc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Úc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần đầu (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Úc niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành”.

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Đà-phiêu Ca-lô pháp Úc niệm Tỳ-ni chưa. Các Tỳ-kheo đáp: “Đã cho”.

Phật nói: “Này các Tỳ-kheo, có năm trường hợp cho pháp Úc niệm Tỳ-ni phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Không thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho.
2. Thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho.
3. Không kiểm điểm trước.
4. Làm phi pháp.
5. Không hòa hợp.

Đó gọi là năm điều phi pháp khi cho Úc niệm Tỳ-ni.

Trái lại, có năm điều như pháp khi cho Úc niệm Tỳ-ni. Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho.
2. Không thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho.
3. Có kiểm tra trước.
4. Làm như pháp.
5. Hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp khi cho Úc niệm Tỳ-ni”.

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao nàng dâm nữ ấy bị bọn cướp truy đuổi?”.

Phật nói: “Không những ngày nay cô ta bị bọn cướp truy đuổi mà trong thời quá khứ cũng đã từng bị bọn chúng truy đuổi, như trong kinh Oan Gia Bản Sinh đã nói rõ”.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân

Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ưc niệম Tỳ-ni?”.

Phật nói với A-nan: “Nếu Tỳ-kheo này vu cáo Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì phải cấp tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi bèn hỏi Hòa thượng A-xà-lê, bạn hữu tri thức của Tỳ-kheo ấy: “Trưởng lão, thầy có biết Tỳ-kheo Mỗ giáp kia từ trước đến nay là người giới hạnh thế nào không? Ông quen biết với ai? Người quen biết ấy thiện hay ác?”. Nếu nói: “Ông ấy từ trước đến nay giữ giới hạnh thanh tịnh, nhưng ông ta cùng với bạn bè quen biết có phạm vài lỗi nhỏ nhặt, mà trong lòng thấy hổ thẹn, liền tức khắc sám hối để tiêu trừ”. Người như vậy thì Tăng nên trao cho pháp Ưc niệម Tỳ-ni. Nếu nói: “Tôi biết Tỳ-kheo ấy từ trước đến nay giới hạnh không thanh tịnh, lại cùng kết bạn với kẻ ác, phạm tội mà không chịu sám hối như pháp”. Nay A-nan, nếu Tỳ-kheo như vậy thì Tăng không nên trao cho pháp Ưc niệម Tỳ-ni để dập tắt (tiếng xấu). Như vậy đó A-nan, khi đã như pháp, như luật trao cho pháp Ưc niệម Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi xong rồi, mà có khách Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo ngồi ngủ gục trong phòng họp, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, trong các Tỳ-kheo ấy, nếu ai nói: “Làm Yết-ma như vậy không thành tựu, không đúng pháp, ngu si, vô trí, trái với Phật, Pháp, Tăng, giống như trâu dê, pháp Yết-ma ấy bất thiện, không thành”. Do nói như vậy khiến cho sự tranh cãi sinh khởi trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Ưc niệម Tỳ-ni để dập tắt.

3. Sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Bát-si Tỳ-ni để dập tắt.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Tôn giả Kiếp Tân Na có hai đệ tử tùy tùng, một tên là Nan-đề, hai tên là Bát-già-nan-đề. Hai Tỳ-kheo ấy trước kia bị bệnh cuồng si. Khi bệnh, làm nhiều điều phi pháp. Giờ đây bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm của hai người trong lúc cuồng si, khiến cho hai thầy khi nghe những lời ấy rất là xấu hổ. Vì thế, hai thầy bèn đem việc ấy trình bày với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trong khi mắc bệnh cuồng si, làm nhiều điều phi pháp, nay bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc hai người đang mắc bệnh cuồng si”.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: “Các ông hãy hỏi họ ở chỗ vắng

ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi hỏi ở chỗ vắng nên nói: “Trưởng lão, các vị phạm hạnh nói như thế, thầy có biết không?”. Nếu họ đáp: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”, thì phải hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy”.

(Sau khi hỏi xong) Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đã hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi ở giữa chúng Tăng ba lần, nhưng họ tự nói: không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Hai Tỳ-kheo ấy trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”, thì Tăng nên cho họ pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người chấp pháp nên làm pháp Yết-ma cầu thỉnh, xướng:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho phép hai Tỳ-kheo Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)... Các Đại đức đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành”.

Thế rồi, Nan-đề, Bát-già-nan-đề phải đến giữa Tăng, trích vai áo phải, quỳ gối chấp tay xin như sau:

“Tôi là Mỗ giáp, trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, nhưng các vị phạm hạnh nhắc lại những việc cuồng si trước kia mà tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ. Nay tôi đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Kính xin Tăng cho tôi pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)”. (Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Bấy giờ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Tăng không nói về việc của Thầy. Ai nói về việc của Thầy thì hãy đến bảo họ chớ nói nữa”.

Thế rồi, Tỳ-kheo này (cuồng si) nên đến Tỳ-kheo kia (phạm hạnh), nói: “Thưa Trưởng lão, những việc làm trước đây của tôi trong lúc cuồng si, nay tôi không biết là mình có làm hay không cũng không nhớ nữa, xin Trưởng lão chớ nhắc lại những việc làm của tôi trong lúc cuồng si”.

Vị Tỳ-kheo ấy nếu chấm dứt thì tốt, nếu không chấm dứt thì nên

nói với Hòa-thượng, A-xà-lê và bạn bè quen biết của ông ta như sau: “Thưa Trưởng lão, đệ tử của ngài và bạn bè tri thức nói về những việc làm của tôi trong lúc cuồng si trước đây. Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa. Xin Trưởng lão hãy quở trách vị ấy, bảo chớ có nhắc lại nữa”.

Hòa thượng A-xà-lê của vị ấy nên quở trách: “Người bất thiện, không biết giới luật, người không nghe Thế Tôn nói rằng việc làm trong lúc cuồng si tâm loạn không có tội hay sao?”.

Người lăm lờ kia, nếu nhận (sự quở trách) thì tốt. Khi ấy, Tăng nên làm Yết-ma. Người làm Yết-ma phải xưng như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si trước kia, rồi các thầy tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: “Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa”. Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nay Tăng cho các vị ấy pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy)

Tăng đã cho Mỗ giáp, Mỗ giáp pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo: “Đã cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni chưa?”.

Họ đáp: “Đã cho rồi, bạch Thế Tôn”.

Phật nói: “Nếu hội đủ năm phương diện thì thành ra cho pháp Bất-si Tỳ-ni phi pháp. Năm phương diện đó là gì? Đó là:

1. Không si, tưởng là si mà cho.
2. Không thỉnh cầu người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu hòa.
3. Không đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni.
4. Làm phi pháp.

5. Tăng không hòa hợp.

Đó gọi là hội đủ năm điều phi pháp khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Ngoài ra, còn có năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Năm điều đó là gì? Đó là:

1. Không si, tưởng là không si mà cho.
2. Cầu xin người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu hòa.
3. Đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni.
4. Làm đúng pháp.
5. Tăng hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bất-si Tỳ-ni?”.

Phật nói với A-nan: “Có Tỳ-kheo trước cuồng si, nay hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại việc làm cuồng si trước kia, thì lúc ấy phải gấp rút tập hợp Tăng. Khi tập hợp Tăng rồi, căn cứ theo kinh, theo luật, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni để chấm dứt sự hủy báng gây ra tranh cãi. Sau khi xong việc, nếu có Tỳ-kheo khách cho đến những kẻ ngu si vô trí giống như trâu dê làm phát khởi lại sự tranh cãi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Bất-si Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi”.

Sự tranh cãi về tội (tội tránh): Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo tranh luận nhau về việc phạm tội như Ba-la-di, cho đến Việt-tỳ-ni, thì trong trường hợp này nên dùng hai loại Tỳ-ni để diệt trừ. Đó là: TỰ NGÔN TỖ-NI và MỊCH TỘI TƯƠNG TỖ-NI.

4. Tự ngôn Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Huệ mạng La-hầu-la đến giờ khát thực, liền khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ, tuần tự khát thực, khát thực xong trở về Tinh xá. Rồi khi ăn xong, thầy đem y, bát cất lại chỗ cũ, cầm tọa cụ định đến rừng Đắc Nhân ngồi thiền, thì giữa đường, thầy thấy một Tỳ-kheo làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ. Sau khi bị trông thấy, Tỳ-kheo ác này bèn suy nghĩ: “Con của Phật là La-hầu-la trông thấy ta làm điều phi phạm hạnh, chắc chắn sẽ nói với Thế Tôn. Trong lúc y chưa nói, ta nên đến chỗ Thế Tôn, nói trước về tội lỗi của hấn”. Thế rồi, Tỳ-kheo ác ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, bạch: “Bạch Thế Tôn! Con trông thấy Tôn giả La-hầu-la khi đi đến rừng Đắc Nhân, đã làm điều phi pháp với một phụ nữ ở dọc đường”. Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế

còn Tôn giả La-hầu-la , sau khi ngồi thiền bên một gốc cây, bèn xuất thiền, đi đến chỗ Thế Tôn, nhưng không nhớ sự việc của Tỳ-kheo ác, theo thường lệ, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Khi ấy, vì muốn cho La-hầu-la nhớ lại sự việc vừa rồi, Thế Tôn bèn hóa ra Tỳ-kheo ác đứng ngay trước mặt. La-hầu-la thấy rồi, liền gọi lại ký ức, bạch với Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con đi vào rừng, thì trông thấy Tỳ-kheo này đang làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ”.

Phật nói: “La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo ấy cũng nói thế này: Con thấy La-hầu-la làm việc phi phạm hạnh ở giữa đường, thì phải tính sao?”.

Tôn giả La-hầu-la bèn bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con không có việc đó”.

- Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: “Con không có việc đó, thì phải tính sao?”.

- Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, thì chỉ có Thế Tôn mới hiểu con.

- Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: “Chỉ có Thế Tôn mới hiểu được việc này của con”, thì phải làm sao?

- Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự ngôn trị.

- Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói: “Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự ngôn trị”, thì phải tính sao đây?

- Nếu như vậy thì xin Thế Tôn cho hai chúng con pháp Tự ngôn trị.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi trình bày rõ với các Tỳ-kheo về sự việc trên. Nói xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Cho Tỳ-kheo này pháp Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì sao vậy? Vì giá như đời sau có ác Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo thanh tịnh rồi Tỳ-kheo thanh tịnh không được pháp Tự ngôn trị, liền bị đuổi đi”. Thế rồi, Phật bảo với các Tỳ-kheo: “Có tám việc phi pháp khi cho pháp Tự ngôn Tỳ-ni. Tám pháp đó là gì? Đó là:

1. Hỏi tội nặng (quan trọng) mà đáp tội nhẹ, song tội nhẹ ấy lại không thật, đó gọi là cho pháp Tự ngôn trị phi pháp.

2. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng.

3. Hỏi tội có dư tàn mà đáp không có dư tàn.

4. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp có dư tàn.

5. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ.

6. Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng.

7. Hỏi tội có dư tàn mà đáp có dư tàn.

8. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn. Nhưng tất cả đều không nói thật tội, đó gọi là phi pháp trao cho Tự ngôn trị.

Trái lại có tám điều như pháp khi trao cho Tự ngôn trị. Tám điều đó là gì? Đó là:

1. Hỏi tội nặng mà đáp tội nhẹ, nhưng thật có tội nhẹ nên đáp tội nhẹ; đó gọi là như pháp trao cho Tự ngôn trị.
2. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng.
3. Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn.
4. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội có dư tàn.
5. Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng.
6. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ.
7. Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội có dư tàn.
8. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn. Như vậy tất cả đều nói thật.

Đó gọi là tám điều như pháp trao cho Tự ngôn trị.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi là Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi, vậy thế nào là Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi?”

Phật nói với A-nan: “Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo moi móc tội lỗi của nhau, hoặc Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni, này A-nan, lúc ấy nên cấp tốc tập họp Tăng, khi tập họp Tăng rồi, phải căn cứ kinh, luật, lời Phật dạy, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo này mà cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi. Như vậy đó A-nan, nếu sau khi như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi rồi mà có Tỳ-kheo khách cho đến (những người khác) làm phát sinh (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi.

5. *Mịch-tội-tướng Tỳ-ni*: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên Tăng chúng tập họp định làm pháp Yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ giả đi gọi. Sứ giả đến nói: “Trưởng lão, Tăng chúng đang tập họp, định làm Yết-ma”.

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: “Chính là vì ta mà làm Yết-ma vậy”, nên tâm sinh sợ hãi, bất đắc dĩ phải đến.

Các Tỳ-kheo hỏi: “Trưởng lão phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?”

Thầy đáp: “Phạm”.

Thế rồi, tâm thầy sinh hoan hỷ, suy nghĩ: “Các vị phạm hạnh nêu tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sửa chữa”. Nghĩ thế, thầy liền bạch với chúng Tăng: “Cho phép tôi ra ngoài một lát”.

Sau đó, các Tỳ-kheo bàn nhau: “Tỳ-kheo này khinh suất, là người không quả quyết, ra ngoài rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối. Chúng ta phải hỏi ông ba lần để xác định cho thật chắc rồi mới làm Yết-ma”.

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: “Vì sao ta lại nhận tội này? Các Tỳ-kheo thường trị tội ta, nay ta không nên nhận tội”.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi vào rồi họ hỏi thầy: “Có thật ông phạm Tăng-già-bà-thi-sa không?”

Thầy đáp: “Không phạm”.

Các Tỳ-kheo hỏi: “Vì sao vừa rồi ở giữa Tăng ông nhận tội, giờ lại nói không phạm?”.

Thi-lợi-da-bà nói: “Tôi không nhớ việc ấy”.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Phật. Phật bèn bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền đem việc đó hỏi kỹ Thi-lợi-da-bà: “Ông có việc đó thật chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy”.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Thi-lợi-da-bà này ở giữa chúng Tăng, thấy tội lại nói không thấy, rồi bảo: “Tôi không nhớ”. Vậy Tăng phải trao cho ông pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người làm Yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: “Tôi không nhớ”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên cho Thi-lợi-da-bà Tỳ-kheo pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì bảo là không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: “Tôi không nhớ”. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy), vì Tăng im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành”.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: “Khi Tăng đã cho pháp Yết-ma Mịch tội tướng Tỳ-ni cho Tỳ-kheo ấy xong rồi, thì Tỳ-kheo ấy phải chấp hành tám pháp suốt đời. Tám pháp đó là gì? Đó là:

1. Không được độ người (xuất gia).

2. Không được cho người thọ giới Cụ túc.
3. Không được cho người y chỉ.
4. Không được nhận Tăng mời theo thứ tự.
5. Không được làm sứ giả cho Tăng.
6. Không được làm người thuyết pháp cho chúng Tăng.
7. Không được làm người tụng giới cho chúng Tăng.
8. Không được làm người Bối-tát Yết-ma cho chúng Tăng. Khi Tăng làm Yết-ma rồi, Tỳ-kheo này suốt đời không được bỏ (pháp Yết-ma ấy). Đó gọi là tám pháp”.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong luật nói về pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni, vậy thế nào gọi là Mịch tội tướng Tỳ-ni?”.

Phật nói với A-nan: “Nếu có Tỳ-kheo nào ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: “Tôi không nhớ”, tỏ thái độ khinh mạn, thì phải tức tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ vào kinh, luật và tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Sau khi xong việc, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: “Trưởng lão, Ông chẳng được lợi ích gì! Vì sao ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: “Tôi không nhớ?” Vì Ông đã nói những lời ấy ở giữa Tăng, nên Tăng cho ông pháp Yết-ma Mịch tội tướng”. Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy mà cho pháp Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Sau đó, nếu Tỳ-kheo khách hay người nào làm phát sinh sự tranh cãi trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Mịch tội tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi về tội phạm”.

Sự tranh cãi về lời nói phải dùng ba pháp Tỳ-ni để dập tắt, trước đã nói về hiện tiền Tỳ-ni rồi.

6. Đa mịch Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, thành Xá-vệ, bấy giờ, có hai hội chúng, mỗi hội chúng đều có một thầy (thủ lãnh). Vị thủ lãnh hội chúng thứ nhất tên Thanh Luận, vị thủ lãnh hội chúng thứ hai tên Thiện Thích. Thanh Luận có một đệ tử tùy tùng tên Bạc-khẩu. Thiện Thích có một đệ tử tùy tùng tên Điểm-bạch. Vị thủ lãnh thứ nhất có đệ tử y chỉ tên Đầu-đầu-già. Vị thủ lãnh thứ hai có đệ tử y chỉ tên Trá-già. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Đầu-ma. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Vô-yên. Vị thứ nhất có đàn-việt là Ưu-đà-già. Vị thứ hai có đàn-việt là cư sĩ Cừ-sư-la. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-di là phu nhân Xá-di. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-di là Ma-kiền-đề-nữ, tên A-nậu-ba-ma. Vị thứ nhất có

đệ tử thanh y ở hậu cung tên Tần-đầu-ma-ra. Vị thứ hai có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Ba-đà-ma-ra. Mỗi người đều có năm trăm Tỳ-kheo, năm trăm Tỳ-kheo-ni, năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di.

Vị thủ lãnh thứ nhất khi đi cầu xong, định dội nước, thì thấy trong nước có trùng, liền lấy cỏ để trên thạp nước làm dấu. Người đệ tử y chỉ của vị thủ lãnh thứ hai, sau đó vào cầu tiêu, trông thấy trên thạp nước có cỏ, liền nói: “Kẻ nào mà không biết hổ thẹn, đem cỏ bỏ trên thạp đựng nước”.

Người đệ tử tùy tùng của vị thủ lãnh thứ nhất nghe lời nói ấy, liền nói với người đó: “Vì sao người dám bêu rêu tên của Hòa-thượng ta, bảo là kẻ không biết hổ thẹn?”.

Do sự kiện này mà bốn chúng đệ tử của hai hội chúng sinh ra tranh cãi dữ dội. Bấy giờ, khắp thành phố Câu-diêm-di đều nghe có tiếng tranh cãi, cả trong ngoài thành đều vang dội kinh động, chẳng khác gì vua chim cánh vàng vào biển bắt rồng, khiến cho nước nổi sóng cuộn cuộn. Sự tranh cãi nổi lên ồn ào chỉ xung quanh việc cỏ hay không phải cỏ. Vì các Tỳ-kheo tranh chấp nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói, nào là đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; tội nặng, tội nhẹ; tội có thể sửa trị, tội không thể sửa trị; Yết-ma đúng pháp, Yết-ma phi pháp; Yết-ma có hòa hợp, Yết-ma không hòa hợp; việc nên làm, việc không nên làm v.v...

Lúc ấy, tại trú xứ có một Tỳ-kheo nói như sau: “Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với luận, trái với kinh, luật, luận, chỉ khởi lên những sự ô nhiễm, phiền não. Những gì tôi biết mới là đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, phù hợp với Kinh, Luật, Luận, như thế sẽ không sinh ra nhiễm ô, phiền não”. Rồi Thầy tiếp: “Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, tôi sẽ đến thành Xá-vệ, tới chỗ Thế Tôn, hỏi về cách dập tắt sự tranh cãi này”. Thế rồi, thầy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tại Câu-diêm-di tranh chấp nhau, cãi vã nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp... (cho đến) con không thể dập tắt được sự tranh cãi, nên con phải đến thưa với Thế Tôn về việc dập tắt sự tranh cãi này. Kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh cãi này”.

Khi ấy, Phật bảo Ưu-ba-ly: “Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diêm-di, căn cứ theo pháp, luật, theo lời Phật dạy mà cho họ pháp Mịch tội Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy, như cách giải quyết sự việc

mà các người họ Thích và các người Ly-xa đã áp dụng. Nếu sự việc không thể giải quyết nhanh được thì cũng phải cho pháp Đa mịch Tỳ-ni để dập tắt. Nay Ưu-ba-ly, sự tranh cãi khởi lên từ ba chỗ: “Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng”. Do đó, cũng phải xả tại ba chỗ, lấy tại ba chỗ và diệt tại ba chỗ. Nay Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dập tắt sự tranh cãi ấy theo nguyên tắc Đa mịch Tỳ-ni như trường hợp Hiện tiền Tỳ-ni đã nói rõ ở trên, (cho đến) nếu tâm Tỳ-kheo ấy nhu hòa thì Tăng nên biểu quyết theo đa số. Tỳ-kheo nào hội đủ năm pháp thì Tăng nên làm Yết-ma cử người ấy làm người xử đoán. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. không thiên vị.
2. Không sân hận.
3. Không sợ hãi.
4. Không si ám.
5. Biết ai rút thẻ rồi, ai chưa rút thẻ.

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp có thể vì chúng Tăng làm người đưa thẻ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ. Các Đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành”.

Sau khi Yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải làm hai loại thẻ: Một loại màu đen và một loại màu trắng, không được xướng: “Phi pháp lấy thẻ đen, như pháp lấy thẻ trắng”, mà nên xướng thế này: “Ai nói thế này thì lấy thẻ đen, ai nói thế này thì lấy thẻ trắng”.

Người đưa thẻ khi đưa thẻ phải tập trung tâm ý vào năm pháp kể trên rồi mới đưa thẻ; không nên làm bạn với những kẻ không như pháp, mà nên làm bạn với những kẻ như pháp. Khi đưa thẻ xong đem đếm, nếu thấy phe phi pháp nhiều hơn chừng một thẻ, thì không nên xướng: “Những người phi pháp nhiều, những người như pháp ít”, mà nên tạo phương tiện giải tán. Nếu thời điểm bữa ăn trước đã đến thì nên xướng lệnh: “Bữa ăn trước”. Nếu thời điểm bữa ăn sau đã đến, thì nên xướng

lệnh: “Bữa ăn sau”. Nếu thời điểm tắm rửa đến, thì nên xướng lệnh: “Tắm rửa”. Nếu thời điểm thuyết pháp đến, thì nên xướng lệnh: “Thời điểm thuyết pháp đã đến”. Nếu giờ tụng luật đã đến thì nên xướng: “Giờ tụng luật đã đến”.

Nếu phe phi pháp biết được (sự tình) bèn nói: “Chúng tôi thắng lợi mà vì sao lại giải tán? Giờ đây chúng tôi không đứng dậy, phải giải quyết việc ấy dứt khoát ngay tại chỗ ngôi này”, thì lúc ấy nếu bên cạnh Tinh xá có một ngôi nhà nhỏ không có côn trùng, nên sai tịnh nhân phóng hỏa đốt, rồi hô hoán: “Lửa cháy, lửa cháy”, liền đứng dậy chạy đi chữa lửa. Hoặc biết tại trú xứ gần đó có Tỳ-kheo như pháp, thì nên đi kêu gọi: “Vừa rồi có phát thẻ vừa xong, nhưng những người phi pháp thì nhiều mà những người như pháp thì ít, Trưởng lão hãy vì pháp Phật mà đến đó làm sao cho những người lấy thẻ như pháp thì nhiều, để cho pháp Phật được tăng trưởng, về phần Trưởng lão cũng được lợi ích, công đức”.

Nếu người ấy nghe lời yêu cầu này mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu thầy ấy đến thì phải phát thẻ trở lại. Khi phát thẻ xong bèn đem đếm, nếu thấy thẻ trắng nhiều hơn một cái, thì không nên xướng: “Nhiều hơn một cái”, mà nên xướng: “Những người nói như thế này nhiều, những người nói như thế kia ít”. Xướng như thế rồi, nên theo phe đa số.

Nếu hội đủ năm pháp sau đây thì sự phát thẻ thành ra phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Những người nói như pháp thì ít mà những người nói phi pháp thì nhiều.
2. Những người nói như pháp không nhất trí, những người nói phi pháp nhất trí.
3. Phi pháp nói là đúng pháp, đúng pháp nói là phi pháp.
4. Do việc phát thẻ này mà gây ra phá Tăng.
5. Tăng chia rẽ nhau.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái lại năm điều trên thì gọi là sự phát thẻ đúng pháp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật, rồi bạch: “Bạch Thế Tôn! Trong luật dùng Đa mịch Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi). Vậy thế nào gọi là dùng Đa mịch Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi)?”

Phật nói với A-nan: “Nếu các Tỳ-kheo đối với kinh, luật, oai nghi mà nói: Điều này là tội, là chẳng phải tội; là tội nhẹ, là tội nặng; là tội

có thể trị phạt, là tội không thể trị phạt; là tội có dư tàn, là tội không có dư tàn; do đó mà sinh ra cãi vã lẫn nhau, thì lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ theo pháp, luật, lời Phật dạy và tùy theo sự thật mà dập tắt ngay việc ấy. Nếu không thể giải quyết được, mà nghe ở một trú xứ nào đó có vị Trưởng lão Tỳ-kheo tụng kinh, tụng luật, tụng luận, hoặc một Tỳ-kheo thiếu niên, tụng kinh, tụng luật, tụng luận, thì phải nhanh chóng đến đó vấn kế, hoặc mời về, rồi tùy theo Tỳ-kheo ấy chỉ vẽ mà trao cho pháp Đa mịch Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Nay A-nan, nếu sau khi dập tắt việc ấy rồi mà có Tỳ-kheo khác... cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới, làm phát khởi (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là Tướng ngôn tránh dùng Đa mịch Tỳ-ni để dập tắt”.

7. Như thảo bố địa Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di tranh cãi nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói nào là pháp, phi pháp, luật, phi luật... cho đến Tôn giả Ưu-ba-ly nói với Tỳ-kheo ấy (vị sứ giả): “Này Trưởng lão, tôi đến đó rồi, sẽ làm các pháp Yết-ma để trừng trị, trục xuất các ông. Khi ấy, các ông chớ có buồn”.

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả nói: “Tôi muốn ra ngoài một lát”. Khi ra ngoài rồi, ông ta suy nghĩ: “Nếu ta theo Tôn giả Ưu-ba-ly trở về, thì ông ấy có thể trị tội chúng ta, chi bằng giờ đây ta trở về Câu-diêm-di một mình, cùng nhau dập tắt sự tranh cãi ấy”. Nghĩ thế rồi, thầy trở về Câu-diêm-di, nhưng chung cục vẫn không dập tắt được sự tranh cãi, bèn thưa (với vị Thượng tọa trong trú xứ): “Trưởng lão, bản thân tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, nay tôi phải trở lại thành Xá-vệ để cầu viện dập tắt sự tranh cãi”. Nói thế rồi, thầy liền đi đến thành Xá-vệ, tới chỗ Tôn giả Ưu-ba-ly, thưa như sau: ‘Lành thay Tôn giả, hãy vì các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di mà dập tắt sự tranh cãi”.

Ưu-ba-ly bèn nói với Tỳ-kheo ấy: “Như tôi đã nói với Ông trước đây, tùy theo sự việc ở đó mà tôi sẽ làm các pháp Yết-ma để trị phạt, lúc ấy Ông đừng buồn. Tôi sẽ theo ông mà đi”.

Tỳ-kheo ấy đáp: “Tôi không dám trái lệnh nữa”.

Ưu-ba-ly nói: “Hãy trở lại nơi ấy để dập tắt, chớ làm rối loạn Tăng chúng ở đây”.

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả của Câu-diêm-di liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp, họ cãi vã nhau. Kính xin Thế Tôn hãy dập tắt sự tranh cãi ấy”.

Phật liền nói với Tỳ-kheo Câu-diêm-di ấy: “Các Ông chớ có tranh chấp cãi vã với nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Vì sao vậy? Vì trong thời quá khứ xa xưa có thành tên Ca-tỳ-la, nhà vua tên Bà-la-môn Đạt-đa v.v... như trong kinh Bốn Sinh Trường Thọ Vương đã nói rõ.. Họ bị nước mất nhà tan như vậy, thế mà Thái tử Trường Sinh không trả thù cha, lại còn giải hòa với kẻ thù, không sinh tâm ác. Nay vì sao các ông đã có lòng tin, xuất gia sống trong chánh pháp mà còn phần nộ, tranh cãi, cùng sống một trú xứ mà bất hòa?”. Thế rồi, Phật bảo Ưu-ba-ly: “Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diêm-di, căn cứ theo pháp, theo luật, theo lời Phật dạy mà trao cho họ pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy. Nay Ưu-ba-ly, Sự tranh cãi do ba chỗ khởi lên, ba chỗ thủ, ba chỗ xả và ba chỗ diệt. Giá như sự tranh cãi ấy có tính cách lật vật thì cùng với Ưu-bà-tắc giải quyết. Trái lại, nếu sự tranh cãi có tính cách trầm trọng, thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi giới trường, rồi tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy, căn cứ theo pháp, luật mà làm pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt”.

Phật lại nói với Ưu-ba-ly: “Nếu vị Hạ tọa có lỗi lầm, thì nên đến chỗ Thượng tọa, cúi đầu đánh lễ dưới chân, nói như sau: “Thưa Trưởng lão, tôi đã làm điều phi pháp, xâm phạm Trưởng lão, có lỗi. Nay tôi sám hối, không dám tái phạm”. Khi ấy, Thượng tọa nên dùng tay xoa đầu (vị đó), đưa tay đỡ dậy ôm vào lòng và nói: “Tuệ mạng (Hiền giả) tôi cũng có lỗi, xin thầy hãy tha thứ”.

Trái lại, nếu Thượng tọa có lỗi, thì nên đến chỗ Hạ tọa, cầm tay nói: “Tôi đã làm điều phi pháp, có lỗi, nay xin sám hối với thầy, không làm như vậy nữa”. Lúc ấy, Hạ tọa nên đứng dậy đánh lễ chân Thượng tọa, rồi cũng sám hối như trên.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch: “Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi Bồ thảo Tỳ-ni, thế nào là Bồ thảo Tỳ-ni?”.

Phật nói với A-nan: “Nếu có sự tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, khiến cho cùng sống một trú xứ mà bất hòa, rồi hai bộ chúng không chịu nhịn nhau, sinh ra ác tâm, cãi nhau, bên nào cũng nói những lời không phù hợp với pháp Phật. Nay A-nan, lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp luật, rồi một vị có đủ đức hạnh thuộc một bộ chúng, biết việc, hiểu rõ nhân duyên, có biện tài, thông hiểu pháp, không khiếm nhược, tán thán công đức hòa hợp chúng Tăng. Rồi vị này rời khỏi chỗ ngồi, trật vai áo phải, quỳ gối, chắp tay, hướng về Bộ chúng thứ hai, nói như sau: “Này các Đại đức, vì sao chúng ta đã có lòng tin,

xuất gia, cùng sống trong một chánh pháp mà tranh cãi nhau, khiến cho cùng sống chung mà bất hòa, hai bộ chúng không nhường nhịn nhau, người nào cũng sinh ra tâm ác, lời qua tiếng lại, không tùy thuận pháp, việc không hay đã khởi lên. Tất cả đều do không khéo tư duy mà đến như thế, khiến cho hiện đời này sống khốn khổ, đời sau đọa vào cõi ác. Nay các Đại đức, chúng ta ai nấy nên bỏ sự tranh cãi này, như rải cỏ trên đất. Nay tôi hướng đến các Trưởng lão sám hối, mỗi người nên nguôi giận, hòa hợp cùng sống chung”.

Này A-nan, nếu bộ chúng thứ hai tất cả đều im lặng, tỏ sự đồng ý, thì một vị có đức hạnh, thông minh, biện tài thuộc bộ chúng này, liền đứng dậy sám hối. Cách sám hối cũng như trên đã nói. Này A-nan, nếu có sự tranh cãi khởi lên trong Tăng như vậy, thì phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp, luật mà dập tắt sự tranh cãi ấy, như dùng cỏ rải trên đất. Này A-nan, tất cả mọi sự tranh cãi như đánh nhau, tát nhau, lôi ra khỏi phòng, đại loại như vậy, hoặc nói hai lưỡi, vu khống vô căn cứ v.v... Các tội như vậy, đều nên dùng nguyên tắc như rải cỏ trên đất dập tắt. Khi đã dùng phương pháp như rải cỏ trên đất để dập tắt rồi, mà có Tỳ-kheo khách, thậm chí Tỳ-kheo mới thọ giới làm phát sinh trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Tóm lại, những việc làm của chúng Tăng đều như pháp thực hiện, như pháp tập họp, như pháp giải trừ, như pháp xả bỏ, như pháp ban cho, nói chung, những việc làm của các Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn có vô lượng phương tiện như vậy, đều nên áp dụng bẫy diệt tránh để dập tắt mọi sự tranh cãi. Đó gọi là những việc thường làm. Thế nên nói (như trên).